

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Giáo dục Tiểu học (Primary Education)

Mã số ngành đào tạo: D7140202

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân sư phạm Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao

Trình độ đào tạo: Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đơn vị đào tạo: Khoa Giáo dục Tiểu học

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Giáo dục Tiểu học được điều chỉnh năm 2020 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của trường đại học sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Tiểu học trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao đều được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ Tiến sĩ của Khoa Giáo dục Tiểu học.

Khoa Giáo dục Tiểu học không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của lĩnh vực Giáo dục. Khoa Giáo dục Tiểu học đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện cả về mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân sư phạm giáo dục tiểu học
Tên chương trình (tiếng Anh)	Primary Education

Handwritten signature

Mã ngành đào tạo:	D7140202
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	1) Xét tuyển theo kết quả kì thi THPT 2) Xét tuyển theo học bạ 3) Xét tuyển Đánh giá năng lực
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 130; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm	1. Giáo viên cấp tiểu học tại các trường tiểu học, trường phổ thông liên cấp. 2. Chuyên viên về lĩnh vực giáo dục tiểu học của các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; 3. Nghiên cứu viên và tư vấn viên tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục tiểu học trong nước và quốc tế.
Học tập nâng cao trình độ	- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành đúng hoặc ngành gần với lĩnh vực Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) - Học đại học văn bằng hai ở các ngành phù hợp. - Có khả năng tự học để hoàn thiện và phát triển năng lực nghề nghiệp.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Huế - Chương trình Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh - Chương trình Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



	- Chương trình Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trường Đại Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	8/2024

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo Giáo dục tiểu học định hướng chất lượng cao là đào tạo Cử nhân sư phạm Giáo dục tiểu học có chất lượng tốt, có khả năng giảng dạy các môn Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tin học và công nghệ, các môn về tự nhiên - xã hội và tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; chuyên viên về lĩnh vực giáo dục tiểu học tại các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục tiểu học trong cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du, miền núi phía Bắc. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đặc biệt là có thể dạy học môn Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn giáo dục tiểu học; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức toàn diện về lý luận chính trị, khoa học giáo dục và kiến thức cơ bản và nâng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn để vận dụng trong hoạt động thực tiễn của bản thân và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

PO2: Có kỹ năng thực hành, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục tiểu học, thích nghi với môi trường làm việc, khởi nghiệp. Đặc biệt, có thể giảng dạy môn Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh.

PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khai thác và sử dụng được các ứng dụng của công nghệ thông tin, tiếng Anh trong tự học, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

PO4: Có năng lực để học tập suốt đời và tiếp tục học ở các bậc học cao hơn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thực tiễn ở trường tiểu học liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy.

4. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại thông tư 17/2021/TT-BGDĐT)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

* Kiến thức chung

1) PLO1. Vận dụng kiến thức cơ bản của Triết học và khoa học chính trị trong quá trình dạy học ở tiểu học.

U. Que

2) PLO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Tâm lí học và khoa học Giáo dục vào quá trình dạy học ở tiểu học.

*** Kiến thức chuyên môn:**

3) PLO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản và nâng cao của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội vào quá trình dạy học ở tiểu học.

4) PLO4. Hiểu biết về mối quan hệ giữa nhà trường và các bên liên quan để thực hiện linh hoạt, hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh tiểu học.

5) PLO5. Thực hiện được các nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về giáo dục tiểu học, sử dụng kết quả nghiên cứu để đổi mới quá trình dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

6) PLO6. Thực hiện đúng Điều lệ trường tiểu học, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học.

4.2. Về kĩ năng

*** Kĩ năng chung:**

7) PLO7. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

8) PLO8. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ số trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

9) PLO9. Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, đọc tài liệu chuyên ngành và giảng dạy các môn Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh.

*** Kĩ năng chuyên môn:**

10) PLO10. Thực hiện được hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

11) PLO11. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

12) PLO12. Vận dụng được linh hoạt các phương pháp vào quá trình dạy học môn học và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

13) PLO13. Vận dụng được các hình thức, phương pháp và kĩ thuật để kiểm tra đánh giá kết quả học tập vì sự tiến bộ của học sinh tiểu học.

14) PLO14. Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học môn Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

15) PLO15. Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

16) PLO16. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo
-----	---------------------------------------

MS-Qu

tiêu cụ thể	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015	PL016
PO1	x	x	x	x								x	x	x	x	
PO2			x		x	x				x	x	x	x	x		
PO3							x	X	x						x	x
PO4			x		x	x									x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy - học

6.1.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thực hành.

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

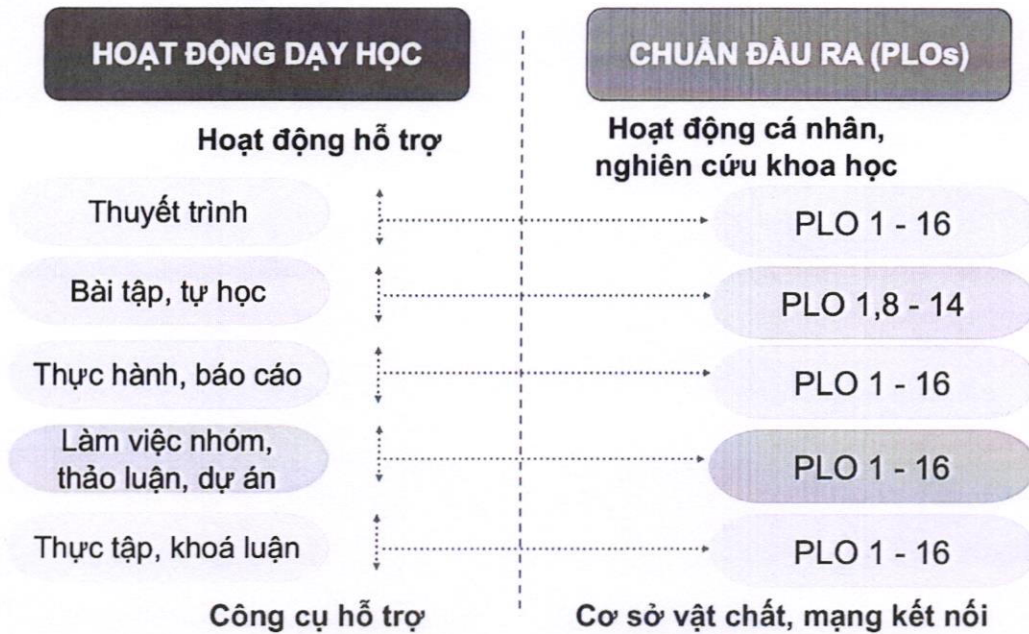
Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài toán và giải thích các hiện tượng trong tự nhiên liên quan đến môn học; Rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình các vấn đề có liên quan đến Chương trình Giáo dục phổ thông mới và các vấn đề của cuộc sống; Kĩ năng tương tác với tập thể; Kĩ năng viết và trình bày bảng. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kĩ năng thực hành cho sinh viên, giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình dạy học và nghiên cứu của sinh viên.

Gắn kết phương pháp dạy và học với chương trình học kết quả (PLO) được hiển thị như sau:

OK



6.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK;
- Trong từng học kì các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;
- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm để đánh giá cho tất cả các học phần.

6.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kì	
2	1	1	1	3
3-4	1	1	2	4
5	1	1	3	5

- Trọng số điểm
- + Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)
- + Thi kết thúc học phần: 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chau

TT	Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 26 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 35 tín chỉ	Bắt buộc	29
		Tự chọn	06
3	Kiến thức nghiệp vụ, 63 tín chỉ	Bắt buộc	57
		Tự chọn	06
4	Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế	Bắt buộc	0
	Khóa luận tốt nghiệp, 06 tín chỉ	Tự chọn	06
Tổng số			130

- Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 14 học phần. Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức dạy học môn Giáo dục Tiểu học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.
- Kiến thức chuyên nghiệp, gồm 14 học phần. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học môn học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học, đồng thời người học phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.
- Kiến thức nghiệp vụ, gồm 24 học phần. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học cho học sinh ở trường tiểu học.
- Khóa luận, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm 06 học phần. Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức một cách toàn diện vào phương pháp dạy học để nâng cao năng lực dạy học, giáo dục đa dạng cho học sinh, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		26								

Handwritten signature

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến	
				Lên lớp								
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM				
1	59SPH131A	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10				1	
2	59SPE121A	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131A	2	
3	59SSO121A	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121A	3	
4	59HCM121A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121A	4	
5	59HPV121A	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121A	5	
6	59EDL121A	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4	
7	59ENG131A	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1	
8	59ENG132A	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131A	2	
9	59ENG143A	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132A	3	
10	59GIF131A	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1	
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4	0	36	0				2	
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4	0	36	0				1	
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4	0	36	0				3	
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung								
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		32									
Các học phần bắt buộc			29									
15	59VIE231A	Tiếng Việt 1	3	36	6	6	6	0			1	
16	59VIE232A	Tiếng Việt 2	3	36	6	6	6	0		59VIE231A	2	
17	59VIE233A	Tiếng Việt 3	3	36	6	6	6	0		59VIE231A 59VIE232A	3	
18	59LIT241A	Văn học	4	48	8	8	8	0			3	
19	59MAT231A	Toán học 1	3	36	6	6	6	0			1	
20	59MAT232A	Toán học 2	3	36	6	6	6	0		59MAT231A	2	

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
21	59NSA231 A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	36	6	6	6	0			1
22	59NSA232 A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	36	6	6	6	0		59NSA231A	2
23	59ENG244 A	Tiếng Anh 4	4	30	20	20	20	0		59ENG143A	4
Các học phần tự chọn			3								
24	59OPO231 A	Tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học	3	27	6	22	8	0			4
25	59LID231A	Ngôn ngữ học văn bản	3	36	6	6	6	0			6
26	59DTP231A	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6	0			6
27	59PPH231A	Sinh lí trẻ tuổi tiểu học	3	34	2	8	8	0			4
28	59MSI231A	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	3	36	6	6	6	0			4
3. Kiến thức nghiệp vụ			66								
Các học phần bắt buộc			63								
29	59EPS431A	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8	0			2
30	59PEP431A	Giáo dục học	3	31	8	12	8	0		59EPS431A	3
31	59COS431 A	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6	0		59EPS431A; 59PEP431A	6
32	59VTM441 A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	46	6	6	4	12			5
33	59VTM442 A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	4	46	6	6	4	12		59VTM441A	6
34	59MTM441 A	Phương pháp dạy học Toán 1	4	46	6	6	4	12			5
35	59MTM432 A	Phương pháp dạy học Toán 2	3	34	4	4	5	9		59MTM441A	6
36	59NST431A	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	34	4	4	5	9			5

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
37	59LIS431A	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	34	4	4	5	9			5
38	59TME431A	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	34	4	4	5	9		59MTM441A	7
39	59TSE431A	Dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	34	4	4	5	9		59NSA231A 59NSA232A	7
40	59ITP431A	Dạy học tích hợp ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			6
41	59ALR431A	Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học	3	34	4	4	5	9			7
42	59EAP431A	Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	3	34	4	4	5	9			4
43	59AIT431A	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	3	36	6	6	6	0			7
44	59PEP421A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 1	2	8	0	44	0	0			4
45	59PEP442A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 2	4	0	0	120	0	0			7
46	59MIP441A	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	4	46	6	6	4	12			6
47	59TRA421A	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường Tiểu học							5
48	59TRA432A	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường Tiểu học							8
Các học phần tự chọn			3								
49	59ENG435A	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học	3	25	20	20	0	0			6
50	59EEP431A	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	3	36	6	6	6	0			6
51	59WSP431A	Rèn kĩ năng làm văn cho HS tiểu học	3	36	6	6	6	0			4
52	59IEE431A	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10	0			4
4. Khóa luận tốt nghiệp			6								



TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
53	59PED904A	Khóa luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
54	59STM931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
55	59STV931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
56	59SSL931A	Chuyên đề Văn	3	36	6	6	6	0			8
57	59SSV931A	Chuyên đề Tiếng Việt	3	36	6	6	6	0			8
58	59SSE931A	Chuyên đề giáo dục STEM	3	36	6	6	6	0			8
59	59SIM931A	Chuyên đề giải toán ở Tiểu học	3	34	4	4	5	9			8
Tổng cộng			130								

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59SPH131A	Triết học Mác - Lênin	3	59SPE121A	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
59ENG131A	Tiếng Anh 1	3	59ENG132A	Tiếng Anh 2	3
59GIF131A	Tin học đại cương	3	59VIE232A	Tiếng Việt 2	3
59VIE231A	Tiếng Việt 1	3	59MAT232A	Toán học 2	3
59MAT231A	Toán học 1	3	59NSA232A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3
59NSA231A	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	59EPS431A	Tâm lý học giáo dục	3
	Giáo dục thể chất 2			Giáo dục thể chất 1	
	Tổng tín chỉ: 18			Tổng tín chỉ: 17	



Handwritten signature or mark.

Năm thứ 2					
Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59SSO121A	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	59HCM121A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
59ENG143A	Tiếng Anh 3	4	59GEL121A	Pháp luật đại cương	2
59VIE233A	Tiếng Việt 3	2	59EAP431A	Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	3
59LIT241A	Văn học	4	59PEP421A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 1	2
59PEP431A	Giáo dục học	3	59ENG244A	Tiếng Anh 4	4
	Giáo dục thể chất 3			Giáo dục quốc phòng	
Tự chọn			Tự chọn		
			59OPO231A	Tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học	3
			59PPH231A	Sinh lí trẻ tuổi tiểu học	3
			59MSI231A	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	3
			59WSP431	Rèn kĩ năng làm văn cho HS tiểu học	3
			59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3
Tổng tín chỉ: 16			Tổng tín chỉ: 16		
↓ Năm thứ 3					
Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ

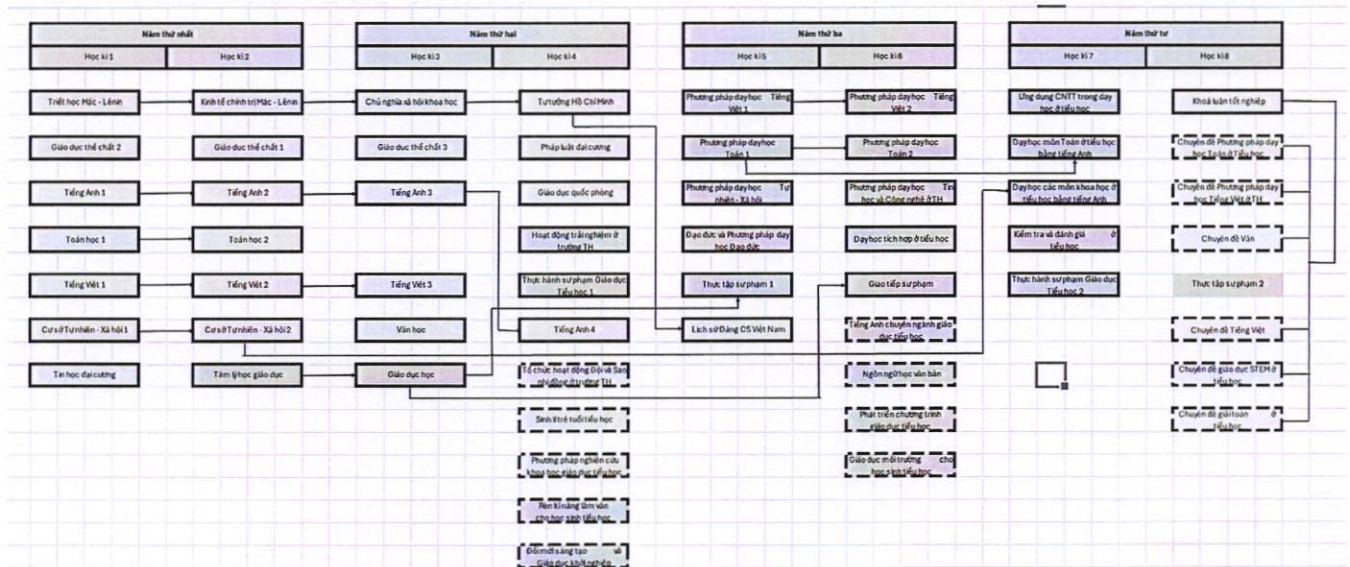


					chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59VTM441A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	59VTM442A	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	4
59MTM441A	Phương pháp dạy học Toán 1	4	59MTM432A	Phương pháp dạy học Toán 2	3
59NST431A	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	59MIP441A	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	4
59LIS431A	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức	3	59ITP431A	Dạy học tích hợp ở tiểu học	3
59TRA421A	Thực tập sư phạm 1	2	59COS431A	Giao tiếp sư phạm	3
59HPV121A	Lịch sử Đảng	2			
Tự chọn			Tự chọn		
			59LID231A	Ngôn ngữ học văn bản	3
			55FIM321A	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	3
			59EEP431A	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	3
			59ENG435A	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học	3
Tổng tín chỉ: 18			Tổng tín chỉ: 20		
↓ Năm thứ 4					
Học kỳ 7			Học kỳ 8		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59AIT431A	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	3	59TRA421A	Thực tập sư phạm 2	3
59TME431A	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng	3			



	Anh				
59TSE431A	Dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	3			
59PEP442A	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 2	4			
59ALR431A	Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học	3			
Tự chọn			Khóa luận TN, Các học phần thay thế KLTN		
				Khóa luận tốt nghiệp	6
			59STM931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	3
			59STV931A	Chuyên đề Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	3
			59SSL931A	Chuyên đề Văn	3
			59SSV931A	Chuyên đề Tiếng Việt	3
			59SSE931A	Chuyên đề giáo dục STEM ở Tiểu học	3
			59SIM931A	Chuyên đề giải toán ở Tiểu học	3
Tổng tín chỉ: 16			Tổng tín chỉ: 9		

*** Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần**



M. Du

Ghi chú:

Kiến thức giáo dục đại cương

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức nghiệp vụ

Khoá luận/ thay thế khoá luận

Bắt buộc

Tự chọn

A. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được CDR của CTĐT

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Giáo dục đại cương	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	0	1	2	3
Giáo dục chuyên nghiệp	0	3	3	3	2	2	3	2	1	2	2	2	2	2	2	3
Nghiệp vụ sư phạm	2	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	3	3	2	3	3
Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận	0	3	3	3	3	3	3	1	1	3	2	2	2	1	2	3

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Đóng góp không rõ ràng; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao)

TT	Các học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
1	Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
6	Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2	1
7	Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	1
8	Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	1
9	Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	1
10	Tin học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	3	1
11	Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	1
12	Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	1
13	Giáo dục thể chất 3	1	2	0	0	0	2	0	1	0	0	2	2	0	0	2	1
14	Giáo dục quốc phòng	0	3	0	1	1	1	3	0	0	0	0	2	0	1	1	1
15	Tiếng Việt 1	0	0	3	0	3	0	0	1	0	0	1	1	1	0	2	0
16	Tiếng Việt 2	2	3	3	0	3	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	2
17	Tiếng Việt 3	0	3	3	0	2	2	1	1	0	0	2	2	2	0	2	2

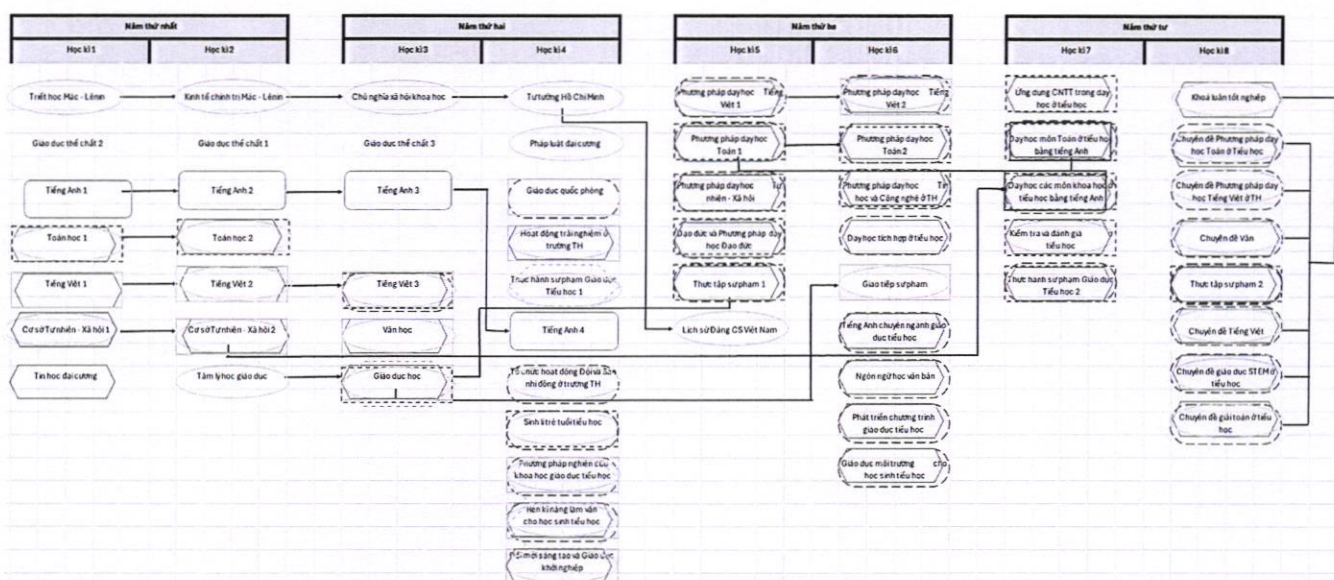
OK Quê

18	Văn học	0	2	3	0	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1
19	Toán học 1	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0
20	Toán học 2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0
21	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	0	0	3	0	1	0	1	1	1	0	0	0	1	0	1
22	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	0	0	3	2	3	2	1	3	0	0	1	3	3	1	0
23	Tiếng Anh 4	0	0	3	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0
24	Tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học	0	3	0	1	1	1	3	0	0	1	1	2	1	1	1
25	Ngôn ngữ học văn bản	0	3	3	0	2	2	1	1	0	0	2	2	2	0	2
26	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	1	1	1	2	0	0	1	2	0	0	3	1	1	0	1
27	Sinh lí trẻ tuổi tiểu học	0	3	0	1	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	0	0	0	0	3	0	1	1	0	1	0	1	0	0	1
29	Tâm lý học giáo dục	0	3	0	3	0	0	3	0	0	3	3	0	0	0	1
30	Giáo dục học	0	3	0	0	1	1	1	0	0	0	1	0	1	0	1
31	Giao tiếp sư phạm	0	3	3	1	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2
32	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	0	1	3	0	2	0	1	1	0	0	1	1	0	1	2
33	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	0	3	3	0	2	2	1	1	0	0	2	2	2	0	2
34	Phương pháp dạy học Toán 1	0	3	3	1	0	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1
35	Phương pháp dạy học Toán 2	0	2	3	0	0	0	1	1	0	1	2	2	2	1	1
36	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	1	1	1	1	0	1	1	1	0	0	1	3	2	0	1
37	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	1	3	3	3	0	1	1	1	0	0	1	1	1	0	1
38	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	0	1	2	0	1	0	1	1	3	2	2	2	2	3	2
39	Dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	0	0	2	1	0	0	1	1	3	0	1	1	0	2	1
40	Dạy học tích hợp ở tiểu học	0	3	3	1	0	1	1	1	0	0	1	1	1	0	1
41	Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học	3	3	0	3	2	2	2	2	0	0	2	2	2	0	1
42	Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1	2	1	2	0	1

43	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	0	0	3	0	1	0	1	2	0	2	0	0	0	0	1
44	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 1	0	3	3	0	2	2	1	1	0	0	2	2	2	0	2
45	Thực hành sư phạm Giáo dục Tiểu học 2	0	2	3	0	0	0	1	1	0	1	2	2	2	1	0
46	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	0	3	3	0	0	0	1	1	0	1	1	1	1	1	1
47	Thực tập sư phạm 1	2	1	3	2	0	2	3	1	0	0	3	1	1	3	2
48	Thực tập sư phạm 2	2	1	3	2	0	2	3	1	0	0	3	1	1	3	2
49	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0	0	3	0
50	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	0	0	3	2	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	1
51	Rèn kỹ năng làm văn cho HS tiểu học	0	3	3	0	2	2	1	1	0	0	2	2	2	0	2
52	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	0	2	2	0	0	0	1	1	0	1	2	2	2	1	1
53	Khóa luận tốt nghiệp	0	2	2	0	0	0	1	1	0	1	2	2	2	1	2
54	Chuyên đề Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	0	2	2	0	0	0	1	1	0	1	2	2	2	1	0
55	Chuyên đề Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	0	1	3	0	2	0	1	1	0	0	1	1	0	1	1
56	Chuyên đề Văn	0	2	3	0	1	0	0	1	0	0	1	1	1	0	1
57	Chuyên đề Tiếng Việt	2	3	3	0	3	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1
58	Chuyên đề giáo dục STEM	0	3	3	1	0	1	1	1	0	0	1	1	1	0	1
59	Chuyên đề giải toán ở Tiểu học	3	3	3	0	3	0	1	1	0	0	1	1	1	0	1

* Ma trận phát triển kỹ năng

Ms. Quê



	PLO7	Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
	PLO8	Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.
	PLO9	Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3-6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.
	PLO10	Thực hiện được hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.
	PLO11	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
	PLO12	Vận dụng linh hoạt các phương pháp vào quá trình dạy học môn học và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học
	PLO13	Vận dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện ở trường tiểu học.
	PLO14	Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học môn Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh

6. Mô tả học phần

6.1. Triết học Mác - Lênin (59SPH131A)

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

6.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (59PSE121A)

Handwritten signature

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (59SSO212A)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (59HCM121A)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (59HPV121A)

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

6.6. Pháp luật đại cương (59GEL121A)

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

6.7. Tiếng Anh 1 (59ENG131A)

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương

Nguyen

trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.8. Tiếng Anh 2 (59ENG132A)

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có "to", các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.9. Tiếng Anh 3 (59ENG143A)

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh

như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.10. Tin học đại cương (59GIF131A)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.11. Giáo dục thể chất 1 (59PHE111A)

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

6.12. Giáo dục thể chất 2 (59PHE121A)

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

6.13. Giáo dục thể chất 3 (59PHE131A)

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường

as Ouu

Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống..

6.15. Tiếng Việt 1 (59VIE231A)

Học phần *Tiếng Việt 1* là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ âm tiếng Việt như: khái niệm về ngữ âm và ngữ âm học; âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt; chữ viết, chính âm và chính tả tiếng Việt. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức nền của ngữ âm học vào việc giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

6.16. Tiếng Việt 2 (59VIE232A)

Học phần Tiếng Việt 2 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt như: khái niệm và đặc điểm của các đơn vị từ vựng; đặc điểm của các lớp từ vựng. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức nền của từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt vào giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

6.17. Tiếng Việt 3 (59VIE233A)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học đại cương và ngữ pháp tiếng Việt. Cụ thể: đơn vị ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, ý nghĩa ngữ pháp; kiến thức về từ loại, cụm từ và câu tiếng Việt. Đồng thời, giúp sinh viên rèn kỹ năng xác định từ loại, phân tích được cấu trúc của cụm từ và câu tiếng Việt. Qua đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng về ngữ pháp để giao tiếp, nghiên cứu và dạy học tiếng Việt có hiệu quả.

6.18. Văn học (59LIT241A)

Học phần Văn học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung nhất về: Khái niệm; Bản chất; Đặc trưng; Những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số thể loại văn học dân gian phù hợp với thiếu nhi; Văn học thiếu nhi Việt Nam hiện đại; Văn học nước ngoài; Hệ thống tác giả - tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi Việt Nam; Văn học nước ngoài được đưa vào giảng dạy trong chương trình tiếng Việt tiểu học.

6.19. Toán học 1(59MAT231A)

Học phần Toán học 1 thuộc khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cung cấp

Al Qu

cho người học các kiến thức cơ bản của tập hợp, logic toán và cấu trúc đại số. Cung cấp các kiến thức về số tự nhiên, tập hợp số tự nhiên, các phép toán trên tập hợp số tự nhiên, hệ thống ghi cơ số trên tập hợp số tự nhiên và sự mở rộng các tập hợp số (tập hợp số hữu tỉ, tập hợp số thực, tập hợp số phức).

6.20. Toán học 2 (59MAT232A)

Học phần Toán học 2 thuộc khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về nội dung của phương pháp tiên đề, các phép biến hình trong mặt phẳng, các đại lượng hình học và sơ lược kiến thức về phương trình – hệ phương trình. Trình bày các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, mẫu thống kê và các giá trị đặc trưng của mẫu thống kê.

6.21. Cơ sở tự nhiên - xã hội 1 (59NSA231A)

Học phần Cơ sở tự nhiên – xã hội 1 giới thiệu một số kiến thức khoa học cơ bản liên quan đến chất; năng lượng; thực vật, động vật; nấm, vi khuẩn; con người và sức khỏe; sinh vật và môi trường. Khả năng vận dụng kiến thức có liên quan để phân tích nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong nhóm và thuyết trình, từ đó nâng cao khả năng tự học, giao tiếp và giải quyết vấn đề.

6.22. Cơ sở tự nhiên xã hội 2 (59NSA232A)

Học phần Cơ sở Tự nhiên – Xã hội 2 giới thiệu một số kiến thức khoa học cơ bản liên quan đến lịch sử, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội của Việt Nam và thế giới; Các kiến thức về gia đình, trường học, xã hội trong mối quan hệ tác động đến con người. Bên cạnh đó, học phần giúp người học vận dụng kiến thức có liên quan để phân tích nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

6.23. Tiếng Anh 4 (59ENG244A)

Học phần Tiếng Anh 4 được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng liên quan đến các chủ đề khó như phát triển, xã hội lịch sử, Bên cạnh đó người học được với kiến thức văn hoá, xã hội của các nước nói tiếng Anh. Các chủ điểm ngữ pháp ở trình độ B2 trong khung năng lực 6 bậc được sử dụng ở Việt Nam cũng được giới thiệu, nhằm mục đích trang bị cho người học đầy đủ công cụ cần thiết để giao tiếp trong các tình huống khó. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp thông tin để phát triển năng lực bản thân.

6.24. Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng ở trường Tiểu học (59OPO231A)

Học phần *Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng ở trường Tiểu học* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Cơ sở lí luận của tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh và Sao nhi đồng trong trường Tiểu học; Quá trình hình thành và phát triển của Đội TNTP và Sao nhi đồng; Nội dung; Phương pháp; hình thức tổ chức của Đội và Sao nhi đồng. Kỹ năng, quy trình thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục của Đội TNTP Hồ Chí Minh theo các chủ đề chủ điểm nhằm thực hiện các

KS Am

nội dung giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng ở trường tiểu học.

6.25. Ngôn ngữ học văn bản (59LID231A)

Học phần trình bày:

1) Khái niệm văn bản, đặc trưng của văn bản, các kiểu loại văn bản; 2) Các phương thức liên kết văn bản; 3) Khái niệm và phân loại đoạn văn. Qua môn học này, sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về văn bản và đoạn văn; trên cơ sở đó, có khả năng vận dụng để nghiên cứu và dạy học tiếng Việt có hiệu quả.

6.26. Phát triển chương trình giáo dục tiểu học (59DTP231A)

Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên: khái niệm về chương trình, phát triển chương trình giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường; Quy trình phát triển chương trình giáo dục; Ngoài ra học phần còn giúp người học phát triển chương trình môn học và kế hoạch bài dạy theo tiếp cận năng lực học sinh ở trường tiểu học và thực hành các kỹ năng cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục tiểu học.

6.27. Sinh lý trẻ tuổi tiểu học (59PPH231A)

Học phần *Sinh lý trẻ tuổi tiểu học* nhằm giúp sinh viên nghiên cứu một cách toàn diện những giải phẫu, sinh lý và những quy luật phát triển sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học như: đặc điểm phát triển của hệ thần kinh; đặc điểm phát triển của hệ vận động, các cơ quan phân tích, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết... Trên cơ sở phân tích đặc điểm phát triển giải phẫu, sinh lý của trẻ qua các thời kỳ, sinh viên rút ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong việc giáo dục trẻ lứa tuổi tiểu học.

6.28. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học (59MSI231A)

Học phần trình bày cơ sở lý luận chung về khoa học, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học giáo dục; các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; lôgic tiến hành nghiên cứu khoa học giáo dục; các giai đoạn tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và vận dụng xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.

6.29. Tâm lý học giáo dục (59EPS431A)

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

Ms. Qu

6.30. Giáo dục học (59PEP431A)

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học định hướng chất lượng cao. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn... góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

6.31. Giao tiếp sư phạm (59COS431A)

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

6.32. Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 (59VTM441A)

Học phần trình bày:

- Những vấn đề cơ bản nhất của lý luận dạy học bộ môn Tiếng Việt; Chương trình và nội dung Tiếng Việt ở tiểu học; Kế hoạch dạy học từng chủ đề/bài học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

- Dạy học các kiến thức và kỹ năng trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

6.33. Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 (59VTM442A)

Học phần trình bày:

- Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và những kỹ năng dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, giúp sinh viên có năng lực tổ chức quá trình chiếm lĩnh tiếng mẹ đẻ cho học sinh tiểu học;

- Người học biết thiết kế bài dạy từng nội dung bài học: phương pháp rèn kỹ năng đọc, phương pháp rèn kỹ năng viết, phương pháp rèn kỹ năng nói và nghe; và rèn luyện kỹ năng tổ chức thực hiện, đánh giá quá trình dạy học Tiếng Việt.

6.34. Phương pháp dạy học Toán 1 (59MTM441A)

Học phần trình bày:

- Những vấn đề cơ bản nhất của lý luận dạy học bộ môn Toán; Chương trình và nội dung Toán ở tiểu học; Kế hoạch dạy học từng chủ đề/bài học môn Toán ở tiểu học.

- Dạy học ba mạch nội dung trong chương trình Toán ở tiểu học: Số và phép tính, Hình học và đo lường, Một số yếu tố thống kê và xác suất theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Ng. Qu.

6.35. Phương pháp dạy học Toán 2 (59MTM432A)

Học phần trình bày:

- Một số vấn đề chung về dạy học giải toán ở tiểu học: Vị trí, mục đích dạy học giải toán, nội dung dạy học giải toán ở tiểu học theo các mạch nội dung và từng khối lớp; phân loại bài toán ở tiểu học và quy trình giải một bài toán.
- Hệ thống các dạng toán liên quan đến Số và phép tính, Hình học và đo lường, yếu tố Thống kê và xác suất ở tiểu học.
- Quy trình thiết kế các hoạt động dạy học hướng dẫn học sinh giải toán ở tiểu học.

6.36. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội (59NST431A)

Học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này giới thiệu cho sinh viên: Những vấn đề lí luận về dạy học các môn về tự nhiên và xã hội; Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, chương trình môn học Khoa học, chương trình môn Lịch sử và Địa lí. Từ đó hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

6.37. Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức (59LIS431A)

Học phần phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về đạo đức và quá trình dạy học môn Đạo đức ở trường tiểu học. Bên cạnh đó, giúp người học hiểu về đặc điểm, vị trí, mục tiêu, nội dung của môn Đạo đức; phân tích các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá của giáo viên khi dạy học môn học. Từ đó, người học có thể xây dựng và tổ chức được các kế hoạch bài học môn Đạo đức một cách phù hợp và hiệu quả.

6.38. Dạy học môn Toán bằng tiếng Anh ở tiểu học (59TME431A)

Học phần trình bày:

- + Một số vấn đề chung về dạy học môn Toán bằng tiếng Anh ở tiểu học;
- + Hệ thống từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh thuộc các mạch nội dung trong môn Toán ở tiểu học; các mẫu câu phổ biến trong giao tiếp sư phạm ở trường tiểu học cũng như trong hoạt động hướng dẫn học sinh khám phá, tìm tòi tri thức toán học.
- + Thiết kế được kế hoạch bài học môn Toán bằng tiếng Anh và thực hiện dạy học môn Toán bằng tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

6.39. Dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh (59TSE431A)

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để dạy học các môn khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ hiểu được lợi ích và tầm quan trọng của việc dạy học khoa học bằng tiếng Anh, nắm vững các phương pháp và hình thức dạy học hiệu quả. Sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy, chuẩn bị các tài liệu và chuyển đổi ngôn ngữ phù hợp. Ngoài ra, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, khai thác công nghệ số trong dạy học, và thực hiện hoạt động dạy học khoa học bằng tiếng Anh một cách hiệu quả.

NS Cam

6.40. Dạy học tích hợp ở tiểu học (59ITP431A)

Học phần phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về dạy học tích hợp ở trường tiểu học. Bên cạnh đó, giúp người học hiểu về đặc điểm, vị trí, mục tiêu, các quan điểm định hướng và cách tiếp cận tổ chức dạy học tích hợp ở trường tiểu học; phân tích các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá trong dạy học tích hợp. Từ đó, người học có thể xây dựng và tổ chức được các kế hoạch bài học/chủ đề tích hợp nhằm phát triển năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

6.41. Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học (59ALR431A)

Học phần Kiểm tra và đánh giá ở tiểu học trang bị cho người học những lý luận cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; Một số phương pháp sử dụng trong đánh giá ở tiểu học; Quy định về đánh giá ở tiểu học, các hình thức đánh giá ở tiểu học. Người học được thực hành thiết kế công cụ đánh giá thường xuyên, ma trận và đề kiểm tra đánh giá định kỳ các môn học ở tiểu học.

6.42. Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học (59EAP431A)

Học phần Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm như đặc điểm, mục tiêu, nội dung của hoạt động; hình thức và phương pháp giáo dục, cách đánh giá năng lực học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm. Ngoài ra người học được thực hành thiết kế và tổ chức dạy học một số chủ đề theo 4 mạch nội dung: Hoạt động hướng vào bản thân; Hoạt động hướng đến xã hội; Hoạt động hướng đến tự nhiên; Hoạt động hướng nghiệp.

6.43. Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học (59AIT431A)

Học phần trình bày:

- Kiến thức cơ bản về dạy học ở tiểu học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.
- Một số phần mềm hỗ trợ dạy học ở Tiểu học
- Thiết kế bài giảng điện tử trong dạy học ở tiểu học.

6.44. Thực hành sư phạm Giáo dục tiểu học 1 (59PEP421A)

Học phần trình bày:

- Lý luận chung về thuyết trình: Khái niệm thuyết trình; cấu trúc một bài thuyết trình; những yêu cầu cơ bản khi sử dụng phương pháp và kỹ năng thuyết trình; các quy tắc và quy định trình bày bảng.

- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình về các chủ đề: Chính trị - Xã hội - Văn hóa; Giáo dục nghề nghiệp; Chuyên môn đặc thù ở Tiểu học,...

6.45. Thực hành sư phạm Giáo dục tiểu học 2 (59PEP442A)

Học phần này nhằm củng cố lại kiến thức và kỹ năng về nội dung và phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học, quy trình thiết kế giáo án và tổ chức dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh (các phương pháp, hình thức luyện tập, các biện pháp dạy học chủ yếu, hình thức tổ chức, quy trình giảng dạy). Đồng thời củng cố lại kiến thức và hiểu được các kỹ năng cần có khi thiết kế đề kiểm tra, đánh giá

U. Qu

các môn học cấp tiểu học.

6.46. Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học (59MIP441A)

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất của lí luận dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học; Nội dung chương trình; Kế hoạch bài dạy chủ đề/bài học môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học; Phương pháp giảng dạy; Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả môn học.

6.47. Thực tập sư phạm 1 (59TRA421A)

Học phần Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

6.48. Thực tập sư phạm 2 (59TRA431A)

Học phần Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng cơ bản về thiết kế kế hoạch bài dạy, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.49. Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học (59ENG435A)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo Giáo dục tiểu học định hướng chất lượng cao. Học phần trang bị những kiến thức về từ vựng chuyên ngành bằng tiếng Anh thuộc các chủ đề quen thuộc gần gũi trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như hệ thống giáo dục, sự phát triển của trẻ em, động lực học tập, Thuyết đa trí tuệ, dạy học các môn học ở trường tiểu học. Người học cũng được cung cấp các kiến thức ngữ pháp và được thiết kế các bài tập thực hành đa dạng về các chủ điểm ngữ pháp thường gặp trong lĩnh vực học thuật. Đặc biệt, môn học này hình thành cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu và chuyển ngữ các tài liệu chuyên ngành giáo dục bằng tiếng Anh. Qua đó, người học bước đầu có thể diễn đạt suy nghĩ của mình bằng tiếng Anh về các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

6.50. Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học (59EEP431A)

Học phần nhằm giới thiệu: một số vấn đề về giáo dục môi trường (khái niệm, phân loại, chức năng, thành phần của môi trường); ô nhiễm môi trường, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và hiện trạng ô nhiễm môi trường hiện nay; sự cần thiết của việc giáo dục bảo vệ môi trường; mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục bảo vệ môi trường ở trường tiểu học. Bên cạnh đó hướng dẫn tổ chức thực hiện giáo dục bảo vệ môi trường thông qua môn học và hoạt động giáo dục.

6.51. Rèn kỹ năng làm văn cho học sinh tiểu học (59WSP431A)

Học phần Rèn kỹ năng làm văn cho học sinh tiểu học nhằm giúp người học hình

M. Qu

thành năng lực tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng làm văn cho học sinh tiểu học. Cụ thể: sinh viên phân tích được những lý luận cơ bản nhất về: kỹ năng làm văn; những nguyên tắc dạy học làm văn ở tiểu học; đặc điểm của văn bản nói và văn bản viết; thể loại, đề bài và phương pháp dạy thể loại làm văn; đồng thời hình thành ở sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện, đánh giá quá trình rèn kỹ năng tạo lập văn bản viết trong dạy học làm văn cho học sinh tiểu học.

6.52. Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp (59IEE431A)

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

6.53. Khóa luận tốt nghiệp (59PED904A)

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật thương mại quốc tế đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

6.54. Chuyên đề phương pháp dạy học toán ở tiểu học (59STM931A)

Học phần trình bày:

- Những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực học sinh, so sánh giữa mô hình dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực học sinh và mô hình dạy học truyền thống.

- Một số kỹ thuật tổ chức dạy học trên lớp để vận dụng hiệu quả vào quá trình dạy học môn Toán ở tiểu học đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

6.55. Chuyên đề phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (59STV931A)

Học phần *Chuyên đề PPDH Tiếng Việt ở tiểu học* trình bày những vấn đề sau:

- Những vấn đề cơ bản nhất về dạy học Ngữ văn/Tiếng Việt 2018 cho học sinh tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

- Có những hiểu biết chung về thực tiễn dạy học, đặc biệt là thực tiễn dạy học ở bậc Tiểu học. Nắm vững một số quan điểm cơ bản chi phối đến chương trình Tiếng Việt ở tiểu học (quan điểm giao tiếp, tích hợp, tích cực) và phương pháp kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực.

6.56. Chuyên đề Văn (59SSL931A)

Chuyên đề Văn là một trong những học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận văn học như: Đối tượng, nội dung và chức năng của văn học; Hình tượng và nhân vật trong văn học; Đề tài, chủ đề, kết cấu, cốt truyện; Ngôn ngữ văn học; Phân biệt được đặc trưng cơ bản của thơ và truyện; Một số thể thơ Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp người học có thể vận dụng những kiến thức lý luận để phân tích tác phẩm văn học và để giáo dục học sinh tiểu học nâng cao năng lực văn học.

Ng. Qu.

6.57. Chuyên đề Tiếng Việt (59SSSV931A)

Học phần Chuyên đề Tiếng Việt gồm có 2 nội dung lớn:

Phần Phong cách học cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và những khái niệm của Phong cách học; về phong cách chức năng và về các biện pháp tu từ tiếng Việt.

Phần Ngữ dụng học cung cấp những tri thức về chiều vật, hành động ngôn ngữ, hội thoại, lập luận, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn; giúp người học vận dụng được những kiến thức nền tảng của ngữ dụng học vào hoạt động giao tiếp.

6.58. Chuyên đề giáo dục STEM ở tiểu học (59SSE931A)

Học phần trình bày một số vấn đề lí luận cơ bản về giáo dục STEM: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của giáo dục STEM cho học sinh tiểu học; các xu thế phát triển của giáo dục STEM ở một số nước trên thế giới và Việt Nam. Từ đó, học phần phân tích và xây dựng quy trình thiết kế và tổ chức thực hiện bài học/chủ đề giáo dục STEM cho học sinh tiểu học nhằm phát triển năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

6.59. Chuyên đề Giải toán ở tiểu học (59SIM931A)

Học phần Chuyên đề giải toán ở tiểu học là học phần tự chọn thay thế khoá luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho người học kiến thức, kĩ năng về một số phương pháp giải toán ở tiểu học. Người học vận dụng được một số phương pháp giải toán vào giải các bài toán cơ bản và nâng cao. Đồng thời, giúp người học có kĩ năng thiết kế bài toán và hướng dẫn học sinh vận dụng các phương pháp giải toán vào giải bài toán.



Handwritten signature in blue ink.